

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bàn Văn Lân.

2. Bà Lê Thị Minh Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Phùng Mùi N**, sinh năm 2000.

Nơi ĐKTT: **Xóm K, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng.**

Chỗ ở hiện nay: **Xóm N, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.** Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Bà **Hà Thị H** - Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.** Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh **Đặng Chòi K**, sinh năm 1990.

Nơi ĐKTT: **Xóm K, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng.** Vắng mặt.

**3. Người làm chứng:** Ông **Đặng Phụ T**, sinh năm 1971, trú tại: **Xóm K, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng.** Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị **Phùng Mùi N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **N** chung sống với anh **K** từ năm 2018, năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **N**, tỉnh **Cao Bằng**. Hôn nhân tự nguyện nhưng không được tìm hiểu, do gia đình hai bên mai mối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh **K** suốt ngày rượu chè, cờ bạc về đòi tiền chị **N** và có hành vi bạo lực đối với chị **N**. Mỗi lần anh **K** bạo lực chị **N** báo công an xã **C** đến làm việc nhiều lần nhưng anh **K** vẫn không thay đổi được. Không thể tiếp tục chung sống, chị **N** đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 5 năm 2023. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn khắc phục được, chị **N** yêu cầu được ly hôn với anh **K**.

Về nuôi con: Chị **N** và anh **K** có hai con chung là **Đặng Chiêu C**, sinh ngày 17-3-2020 và **Đặng Kim N1**, sinh ngày 23-6-2022. Khi về nhà mẹ đẻ, chị **N** đưa theo cháu **Đặng Kim N1** đi cùng và hiện nay cháu **N1** đang sống với chị **N** tại xóm **N**, xã **H**, huyện **B**, tỉnh **Cao Bằng**. Cháu **C** ở với anh **K** và bố mẹ đẻ của anh **K** tại xóm **K**, xã **C**, huyện **N**, tỉnh **Cao Bằng**. Sau khi ly hôn, chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **N1** và anh **K** nuôi cháu **C**. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **N** khai hai vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **Đặng Chòi K** đã được Tòa án thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần nhưng cố tình trốn tránh không hợp tác do đó không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng **Đặng Phụ T**, chị **N** và anh **K** đã sống ly thân từ tháng 4-2023, ông **T** cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là gì. Chị **N** và anh **K** có hai con chung là **Đặng Chiêu C** và **Đặng Kim N1**. Cháu **N1** đã đi theo mẹ, cháu **C** ở với bố, lúc bố không ở nhà thì cháu **C** ở với vợ chồng ông **T**. Ông **T** tiếp tục tạo điều kiện, giúp anh **K** chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **C** để anh **K** đi làm kiếm tiền. Chị **N** và anh **K** không có tài sản chung và nợ chung.

Theo biên bản xác minh ngày 19-8-2024, tại xóm **K**, xã **C**, huyện **N**, tỉnh **Cao Bằng**: Anh **K** thường xuyên đi làm xa nhà từ năm 2023, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, anh **K** cũng không liên lạc về với gia đình. Lần gần đây nhất anh **K** về nhà là ngày 16-8-2024.

Tại phiên tòa, anh **Đặng Chòi K** vắng mặt, chị **N** có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống của chị **N** và anh **K** xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách không thể hòa hợp, không cùng chí hướng xây dựng phát triển kinh tế gia đình, chăm lo cho con cái. Theo lời khai của chị **N**, anh **K** thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm chăm lo cho gia đình. Mỗi lần say rượu còn đui đánh vợ con. Đỉnh điểm ngày 05-5-2023, anh **K** đã lái xe máy gây tai nạn khiến chị **N** bị thương nặng, phải vào chữa trị tại bệnh viện, sau khi ra viện chị đưa con gái thứ hai là cháu **Đặng Kim N1** về nhà bố mẹ đẻ ở **H, B** sinh sống. Từ đó đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Như vậy, mâu thuẫn của anh **K** và chị **N** đã diễn ra một thời gian dài, trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xem xét giải quyết cho chị **N** và anh **K** ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là **Đặng Chiêu C**, sinh ngày 17-3-2020 và **Đặng Kim N1**, sinh ngày 23-6-2022. Sau khi ly hôn, anh **K**, chị **N** đều phải có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hiện nay, cháu **N1** chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Do vậy, mong HĐXX xem xét cho chị **N** được trực tiếp nuôi cháu **Đặng Kim N1**. Cháu **C** đang học tập và sinh sống tại **xã C, huyện N** cùng ông bà nội. Ông nội cháu là ông **T** có lời khai “sẽ giúp **K** chăm cháu **C** để **K** đi làm”. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu **C**, mong HĐXX giao cho anh **K** trực tiếp nuôi cháu **C**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, cố tình trốn tránh trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị **Phùng Mùi N** với anh **Đặng Chòi K**. Giao cháu **Đặng Chiêu C** cho anh **K**, giao cháu **Đặng Kim N1** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị **P** và anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị **Phùng Mùi N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Đặng Chòi K**. Anh **K** thường trú tại **xóm K, xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến tham gia phiên tòa vào ngày 12-9-2024 nhưng vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa vào ngày 19-9-2024 nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **K** kết hôn năm 2020, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, năm 2022 đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Cao Bằng**. Hôn nhân giữa chị **N** và anh **K** là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Theo chị **N**, nguyên nhân mâu thuẫn do anh **K** không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, cờ bạc, đánh chị **N**. Quá trình giải quyết vụ án, anh **K** không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của anh **K**. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 19-8-2024 thể hiện vợ chồng chị **N** anh **K** mâu thuẫn và đã ly thân từ năm tháng 5 năm 2023. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”; “*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị **N** và anh **K** không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau mà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Anh **K** biết việc chị **N** yêu cầu ly hôn nhưng không có thiện chí hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị **N** vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh **K** do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị **N**.

[3] Về con chung: Theo lời khai của chị **N** và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện, chị **N** và anh **K** có hai con chung là **Đặng Chiêu C**, sinh ngày 17-3-2020 và **Đặng Kim N1**, sinh ngày 23-6-2022. Sau khi ly hôn, anh **K**, chị **N** đều phải có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét điều kiện thực tế hiện nay, cháu **N1** là con gái, chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ và hiện nay đang sống với mẹ. Cháu **C** đang học tập và sinh sống tại **xã C, huyện N** cùng ông bà nội, ông **T** tạo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **C** lúc anh **K** không ở nhà. Do đó, căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên và tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, tiếp tục giao cháu **N1** cho chị **N**, giao cháu **C** cho anh **K** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chị **N** không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị **N**, anh **K** đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phùng Mùi N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn mà phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **Phùng Mùi N** thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Phùng Mùi N** được ly hôn với anh **Đặng Chòi K**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2022 giữa **Phùng Mùi N2** (bổ sung, cải chính hộ tịch họ từ **P Nhảy** thành **Phùng Mùi N2**) và **Đặng Chòi K** đăng ký ngày 01-8-2022 tại Ủy ban nhân dân xã **C**, huyện **N**, tỉnh **Cao Bằng** không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao cháu **Đặng Chiều C**, sinh ngày 17-3-2020 cho anh **Đặng Chòi K**; giao cháu **Đặng Kim N1**, sinh ngày 23-6-2022 cho chị **Phùng M Nhảy** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị **N2**, anh **K** được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị **N2**, anh **K** đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị **Phùng Mùi N** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Ca Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mã Nguyệt Thu**